

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2021/DS-PT

Ngày: 27- 01 - 2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Xuân Long**.

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Thị Thu Thủy**.

Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 165/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 650/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1951. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 443B, tổ 24, đường V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1977. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/7/2020. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 121A, đường P, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Mai Võ Vân T1**, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Số 216, đường 1, phường L, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1975. Theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020. (Có mặt)

Địa chỉ: số 165 Đường P, Phường Đ, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Mai Võ Vân T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Chị Nguyễn Thị Ngọc H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Vào ngày 21/02/2019 bà T có cho chị Mai Võ Vân T1 vay số tiền 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng 1,66%/tháng, thời hạn trả khi nào cần báo trước để hoàn trả lại vốn, khi vay chị T1 có làm biên nhận nợ và ký tên. Sau khi vay chị T1 không trả lãi và không trả vốn dù bà T đòi nhiều lần.

Nay bà T yêu cầu chị Mai Võ Vân T1 trả lại số tiền vốn gốc 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và trả lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 21/02/2019 cho đến ngày xét xử, yêu cầu trả vốn và lãi một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Mai Võ Vân T1 trình bày:

Anh D đại diện ủy quyền của bị đơn chị T1 thống nhất với ý kiến của chị H đại diện ủy quyền nguyên đơn, ngày 21/02/2019 chị T1 có vay số tiền 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 4,5%/tháng, chị T1 có đóng lãi cho bà T đến tháng 7/2019 thì ngưng cho đến nay, các lần trả lãi không có làm giấy tờ gì. Nay chị T1 chỉ đồng ý trả số tiền vay 2.400.000.000 đồng nhưng xin trả dần, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà T.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 165/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc chị Mai Võ Vân T1 trả cho bà Phạm Thị T số tiền vay vốn 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và lãi 717.120.000 đồng (Bảy trăm mười bảy triệu một trăm hai chục ngàn đồng), tổng cộng vốn và lãi 3.117.120.000 đồng (Ba tỷ một trăm mười bảy triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, bị đơn chị Mai Võ Vân T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu chị T1 trả số tiền vay 2.400.000.000 đồng, trả dần hàng quý, không tính lãi theo biên bản hòa giải của Tòa án ngày 28/8/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền bị đơn chị Mai Võ Vân T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, cho chị T1 trả số tiền vốn vay 2.400.000.000 đồng, trả dần hàng quý, không tính lãi theo biên bản hòa giải của Tòa án ngày 28/8/2020. Chị Nguyễn Thị Ngọc H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị T1 và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đối với việc tính lãi suất, các bên thừa nhận có thỏa thuận với nhau về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 21/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Mai Võ Vân T1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C về phần lãi suất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do chị Mai Võ Vân T1 nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác

định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Mai Võ Văn T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bị đơn chị Mai Võ Văn T1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất thừa nhận khoản nợ như nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày, nên lời thừa nhận của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm buộc chị T1 trả số tiền vay vốn 2.400.000.000 đồng cho bà T là có cơ sở.

[3.2] Xét yêu cầu trả dần số tiền vay cho nguyên đơn hàng quý theo biên bản hòa giải ngày 28/8/2020. Các đương sự khi giao kết hợp đồng vay tài sản không thể hiện việc thỏa thuận nghĩa vụ trả tiền theo định kỳ và tại phiên tòa các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Chị T1 đã vi phạm thời gian trả nợ đã lâu, nay lại xin trả dần ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét chấp nhận, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Xét yêu cầu không đồng ý trả lãi suất cho nguyên đơn:

Theo nội dung Biên nhận nợ ngày 21/02/2019 thì hai bên không thỏa thuận với nhau về lãi suất. Bà T trình bày hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1,66%/tháng. Chị T1 cho rằng lãi suất 4,5%/tháng, chị T1 có đóng lãi cho bà T đến tháng 7/2019 thì ngưng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2020, nguyên đơn và bị đơn thống nhất chị T1 tự nguyện trả cho bà T số tiền lãi là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 31/8/2020, bà T gửi văn bản thay đổi ý kiến và yêu cầu chị T1 trả cho bà số tiền vốn và lãi một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên sơ thẩm và phúc thẩm, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị T1 trả cho bà số tiền lãi 1,66%/tháng từ ngày 21/02/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm làm tròn 18 tháng tròn. Anh D là đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 200.000.000 đồng tiền lãi theo biên bản hòa giải thành ngày 28/8/2020.

Qua đó cho thấy, các bên thừa nhận có thỏa thuận với nhau về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 21/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại lãi suất như sau: 18 tháng (làm tròn) x 2.400.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 358.560.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Mai Võ Văn T1. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Bị đơn chị Mai Võ Văn T1 có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, chị T1 không chứng minh được vì gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí có xác nhận của chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xét giảm 50% mức án phí sơ thẩm theo đơn xin giảm án phí của chị T1. Do điều chỉnh lại lãi suất nên án phí sơ thẩm được xác định lại như sau: 2.400.000.000 đồng vốn + 358.560.000 đồng lãi, tổng cộng là 2.758.560.000 đồng. Vậy chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 2.758.560.000 đồng là 87.171.200 đồng.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị Mai Võ Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 271, 272, 273, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Mai Võ Văn T1.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 165/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc chị Mai Võ Văn T1 trả cho bà Phạm Thị T số tiền vay vốn 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và lãi 358.560.000 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng), tổng cộng vốn và lãi 2.758.560.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Mai Võ Văn T1 chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định

theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Chị Mai Võ Văn T1 phải chịu 87.171.200 đồng (Tám mươi bảy triệu một trăm bảy mươi một ngàn hai trăm đồng).

Do bà Phạm Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

2.2. Án phí phúc thẩm: Chị Mai Võ Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003978 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Long